

Bản án số: **580/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 19 – 06 – 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn Hải – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 06 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2025/HNST ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 502/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1984, căn cước số 03108400xxxx;

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố H.

- Bị đơn: Bà Trương Thị Ngọc M, sinh năm 1989, căn cước công dân số 04618901xxxx;

Địa chỉ: Xã V, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Tuấn A đều trình bày:

Ông và bà Trương Thị Ngọc M tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/216 quyền số 01/2016 ngày 27 tháng 01 năm 2016. Trong quá trình chung sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, vợ chồng không có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Hai bên đã cố khắc phục nhưng không có kết quả, hiện nay hai bên đã ly thân. Nay, ông nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn, không thể quay lại chung sống, tình nghĩa vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà Trương Thị Ngọc M.

Về con chung: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Trương Thị Ngọc M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Trương Thị Ngọc M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Trương Thị Ngọc M tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Nguyễn Tuấn A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là bà Trương Thị Ngọc M cư trú tại xã V, huyện B, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A và bị đơn bà Trương Thị Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tuấn A và bà Trương Thị Ngọc M.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/216 quyền số 01/2016 ngày 27 tháng 01 năm 2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4] Tòa án đã tiến hành các thủ tục triệu tập hòa giải theo quy định pháp luật nhằm tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, cả ông Nguyễn Tuấn A và bà Trương Thị Ngọc M đều không có thiện chí hòa giải; bà M không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông Tuấn Anh, thể hiện không có mong muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[5] Tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Tuấn A và bà Trương Thị Ngọc M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Tuấn A, cho ông Nguyễn Tuấn A được ly hôn với bà Trương Thị Ngọc M. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Tuấn A và bà Trương Thị Ngọc M chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về con chung: Do nguyên đơn và bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Do nguyên đơn và bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Do nguyên đơn và bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo

quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn A:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn A được ly hôn với bà Trương Thị Ngọc M.

Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0051922 ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Tuấn A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Trương Thị Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Gia Nam**

Nơi nhận:

- Đường sù;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Gia Nam

